

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2018/HNGĐ-ST.

Ngày 18-10-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Lý;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1992; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp GH, xã GL, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nơi ở hiện nay: Ấp AB, xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1990; cư trú tại: Ấp GH, xã GL, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 5 năm 2018; đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 28 tháng 9 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc H trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau vào đầu năm 2015, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GL. Trước khi cưới, chị và anh T có tìm hiểu nhau khoảng 07 - 08 tháng. Sau khi cưới, chị về làm dâu bên chồng tại

ấp GH, xã GL, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Trong thời gian chung sống, chị làm công nhân còn anh T làm thuê tại lò mổ bò. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu tháng 4 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do chị có nhắn tin trò chuyện với bạn khác giới thì anh T lại nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Trong thời gian sống ly thân, anh T có đánh chị 02 lần tại công ty và nhà trọ. Chị có đặt vấn đề đoàn tụ nhưng anh T cho rằng chị tự bỏ nhà ra đi nên không đồng ý đoàn tụ. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ánh N, sinh ngày 10-10-2015, hiện đang sống với anh T. Từ khi chị bỏ nhà đi, mỗi tuần chị đều về thăm con 01 lần. Về tài sản chung: Vợ chồng có số tài sản chung như số: tiền mặt 25.000.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Vision, biển số 70L1 – 545.60; 11 chỉ vàng 24k; 09 chỉ vàng 18k. Số tài sản chung này hiện do anh T giữ. Về nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi cháu N, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết để chị và anh T thỏa thuận với nhau. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của vợ anh là đúng về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn, do vợ nhắn tin tình cảm với người đàn ông khác nội dung tin nhắn thể hiện tình cảm và cách xưng hô là vợ - chồng với nhau. Anh đã nhiều lần cho vợ cơ hội để thay đổi nhưng vợ vẫn tính nào tặc nấy. Vợ tự ý bỏ nhà đi ra ngoài thuê nhà trọ sống. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh có đặt vấn đề đoàn tụ nhưng vợ anh không đồng ý đoàn tụ.

Nay anh đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Ngọc H và anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ánh N, sinh ngày 10-10-2015 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị H.

Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào đầu năm 2015, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GL. Sau khi cưới, vợ chồng anh chị sống chung với cha mẹ chồng. Trong thời gian chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau. Ngoài ra, vợ chồng mất lòng tin lẫn nhau về chuyện tình cảm. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý. Xét thấy, việc chị H và anh T thuận tình ly hôn hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T.

[2] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Ánh N, sinh ngày 10-10-2015, hiện do anh T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H và anh T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hoàn cảnh của chị H hiện đang làm công nhân tại Trảng Bàng phải thuê nhà trọ đi làm. Đối với anh T đang sống chung nhà với cha mẹ ruột, phụ bán quán ăn, có thời gian đưa rước con đi học. Ngoài ra, từ khi ly thân đến nay, anh T trực tiếp nuôi con, đảm bảo cháu N phát triển bình thường về mọi mặt. Để đảm bảo tâm sinh lý ổn định cho cháu N cần để anh T tiếp tục nuôi con chung. Do đó, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu N cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

Chị H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Xét thấy chị H có đơn xin rút phần yêu cầu chia tài sản chung phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận; đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị H.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Ngọc H đối với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Ánh N, sinh ngày 10-10-2015 cho anh Nguyễn Minh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị H không cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không yêu cầu.

Chị H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị H

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Võ Thị N H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.928.000 đồng theo biên lai số 0016068 ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; hoàn trả lại chị H số tiền tạm ứng án phí là 1.628.000 đồng.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã Gia Lộc;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm